

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sụt giảm 12,2% trong quý I/2022

+ Quý I/2022, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước đạt 849 triệu USD, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu rau quả về Việt Nam trong quý I/2022 ước đạt 388 triệu USD, tăng 10,5%.

+ 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu trái thanh long giảm, nhưng xuất khẩu trái chuối, sầu riêng tăng mạnh.

Theo ước tính, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều mặt hàng rau quả của Việt Nam với thị trường thế giới trong tháng 3/2022 đạt 470 triệu USD, tăng 52,2% so với tháng 02/2022, nhưng giảm 8,0% so với tháng 3/2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 3/2022 ước đạt 340 triệu USD, tăng 56,6% so với tháng 02/2022, nhưng giảm 15,8% so với tháng 3/2021. Kim ngạch nhập khẩu hàng rau quả về Việt Nam tháng 3/2022 ước đạt 130 triệu USD, tăng 41,6% so với tháng 02/2022 và tăng 21,2% so với tháng 3/2021.

Tính chung quý I/2022, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều mặt hàng rau quả của Việt Nam với thị trường thế giới ước đạt xấp xỉ 1,24 tỷ USD, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong quý I/2022 ước đạt 849 triệu USD, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu hàng rau quả về Việt Nam trong quý I/2022 ước đạt 388 triệu USD, tăng 10,5%. Như vậy, cán cân thương mại hàng rau quả của Việt Nam với thị trường thế giới thặng dư 461 triệu USD trong quý I/2022, thấp hơn so với 615,57 triệu USD trong quý I/2021.

Xuất khẩu trái thanh long giảm, nhưng xuất khẩu trái chuối, sầu riêng tăng mạnh

+ Mặt hàng thanh long

Thanh long là mặt hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất, tỷ trọng chiếm 28,9% tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành. Do đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này giảm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng chung của toàn ngành.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thanh long các loại (tươi, đông lạnh, sấy, nước ép) tháng 02/2022 đạt 55,22 triệu USD - mức thấp nhất trong vài năm trở lại đây, giảm 39,7% so với tháng 01/2022 và giảm 43,7% so với tháng 02/2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thanh long các loại đạt 146,77 triệu USD, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm 2021.

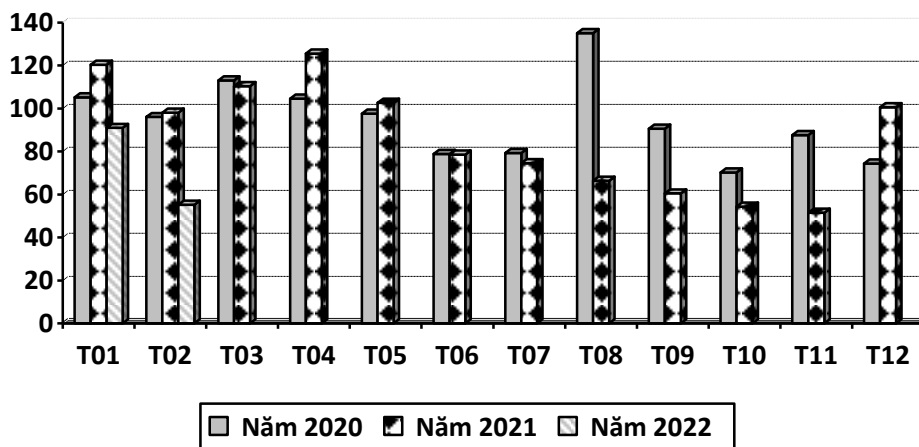
Cơ cấu xuất khẩu thanh long tập trung chủ yếu ở dạng thanh long tươi ruột trắng và đỏ, tỷ trọng chiếm lần lượt 61,1% và 32,92% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 2 tháng đầu năm 2022.

Tháng 02/2022 so với tháng 01/2022, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các chủng loại thanh long giảm, nước ép thanh long tăng 45,2%. Còn so với tháng 02/2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các chủng loại thanh long tăng mạnh, ngoại trừ thanh long tươi ruột trắng giảm mạnh 46%.

Xét về cơ cấu sản phẩm, hiện Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu trái thanh long tươi ruột trắng, trong khi xu hướng tiêu dùng ngày càng ưa chuộng trái thanh long ruột đỏ. Đối với phân khúc chế biến, ngoài nước ép thanh long và thanh long sấy khô, các doanh nghiệp cũng đã xuất khẩu một số sản phẩm được chế biến từ trái thanh long. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu sản phẩm chế biến từ thanh long vẫn ở mức thấp, chưa tác động nhiều đến giá trị xuất khẩu toàn ngành.

Kim ngạch xuất khẩu trái thanh long qua các tháng giai đoạn 2020 – 2022

(ĐVT: Triệu USD)



(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu thanh long lớn nhất của Việt Nam, tỷ trọng chiếm 84,66% trong 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch đạt 124,26 triệu USD, giảm 38,2% so cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là Mỹ, kim ngạch xuất khẩu đạt 6,88 triệu USD, tăng 89,7%; Ấn Độ tăng 70,5%, đạt 4,04 triệu USD; Hàn Quốc tăng 121,6%, đạt 1,6 triệu USD; UAE tăng 112,8%, đạt 797 nghìn USD; Bangladeset tăng 117,7%, đạt 707,67 triệu USD.

Tốc độ xuất khẩu trái thanh long sang các thị trường Mỹ, Hàn Quốc, UAE, Bangladeset tăng mạnh là kết quả của nỗ lực xúc tiến thương mại trái thanh long của Việt Nam ra thị trường thế giới. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường trên vẫn ở mức thấp, ở dạng tiềm năng cần tiếp tục khai thác trong thời gian tới.

+ Trái sầu riêng

Tháng 02/2022, kim ngạch xuất khẩu trái sầu riêng của Việt Nam đạt 4,77 triệu USD, giảm 51,3% so với tháng 01/2022, nhưng tăng mạnh 509,8% so với tháng 02/2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu trái sầu riêng đạt 14,56 triệu USD, tăng 580,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sầu riêng đông lạnh, kim ngạch đạt 3,46 triệu USD, giảm 46,1% so với tháng 01/2022, nhưng tăng tới 842,9% so với tháng 02/2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng đông lạnh đạt 9,88 triệu USD, tăng 1.012,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Bên cạnh đó, tốc độ xuất khẩu sầu riêng sấy khô trong tháng 02/2022 tăng tới 201,3% so với tháng 01/2022 và tăng gấp hơn 10 lần so với tháng 02/2021, đạt 386 nghìn USD. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng sấy khô tăng gấp hơn 13 lần so với cùng kỳ năm 2021, đạt 514 nghìn USD.

2 tháng đầu năm nay xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng, như: Thái Lan tăng 1.005,4%, đạt 4,92 triệu USD; Mỹ tăng 2.096,8%, đạt 3,95 triệu USD; Campuchia tăng 9.306,7%, đạt 1,1 triệu USD

Như vậy có thể thấy, phân khúc trái cây chế biến vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển trong thời gian tới. Đây sẽ là phân khúc mang lại giá trị xuất khẩu cao, đóng góp vào tốc độ tăng trưởng chung toàn ngành trong những năm tới.

Chủng loại hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 01/2021 (%)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Quả và quả hạch	146.985	-28,9	-24,4	353.603	-13,9
Thanh long	54.156	-40,3	-44,4	144.923	-33,3
Chuối	40.698	37,0	89,5	70.396	112,2
Xoài	10.726	-40,5	-67,4	28.754	-43,0
Mít	7.020	-52,8	-52,5	21.907	-40,1
Dừa	4.953	-48,8	16,1	14.631	-14,1
Sầu riêng	4.769	-51,3	513,5	14.560	585,5
Chanh leo	4.930	-15,8	47,7	10.785	61,8
Dưa hấu	4.371	-23,0	-52,6	10.047	-41,3
Chanh	4.931	-3,6	85,1	10.044	65,2
Hạt óc chó	1.999	-50,2	-5,4	6.013	20,4
Hạnh nhân	1.578	-44,5	357,6	4.422	240,4
Macadamia	2.124	23,3	115,8	3.847	27,2
Bưởi	1.549	-7,3	1.266,5	3.219	227,7
Hạt dẻ cười	478	-82,1	290,2	3.149	98,6
Vú sữa	313	-63,4	-37,1	1.170	7,7
Nhãn	497	-5,9	-44,0	1.024	-80,5
Dứa	455	-9,3	92,2	957	99,7
Ổi	227	-33,9	-65,6	570	-52,3
Chôm chôm	79	-61,1	-89,4	283	-81,0
Sản phẩm chế biến	53.991	-19,2	30,5	120.796	14,9
Dừa	10.539	5,6	41,5	20.516	9,1
Trái cây	5.164	-13,3	23,5	11.121	3,9
Dứa	4.584	-18,2	117,7	10.188	93,8
Hạt dẻ cười	1.804	-69,5	-17,8	7.716	42,4
Chanh leo	4.297	26,9	70,5	7.683	50,7
Hạnh nhân	3.368	-12,5	71,3	7.218	-15,9
Hạt mè	3.383	5,0	53,2	6.607	30,0
Xoài	1.945	-43,8	-34,8	5.407	22,8
Dưa chuột	949	-54,5	-13,1	3.034	-3,4
Ngô	1.169	-9,9	65,8	2.467	55,2
Cà tím	1.208	9,1	48,6	2.315	48,2
Thanh long	1.064	29,0	73,8	1.888	51,9
Mít	812	-21,8	-32,6	1.851	-47,5
Khoai lang	816	-15,0	1,9	1.776	-4,1
Măng cầu	608	-40,5	3,9	1.630	15,8
Đậu sốt cà chua	523	-46,0	28,2	1.490	107,8
Tắc	882	58,3	370,1	1.439	100,8
Nước lạt tiên	769	43,5	112,1	1.304	14,3
Mứt	630	13,1	24,0	1.187	3,0
Rau củ sấy	271	-65,0	-37,8	1.045	0,1
Vải	517	5,0	487,8	1.009	171,6
Gừng	322	-50,2	-45,1	968	-36,5
ổi	625	88,2	130,5	957	69,4
Nghệ	708	202,0	52,6	942	75,3
Rau củ	13.404	-21,7	-19,0	30.522	-29,8
ớt	3.060	-13,8	-19,0	6.609	-40,9
Khoai lang	1.893	-21,7	-11,8	4.309	-24,0
Cà rốt	1.382	-47,2	-56,8	3.997	-27,4
Ngô	1.221	-25,7	-17,2	2.866	1,7
Nấm hương	1.056	15,6	208,2	1.969	15,7
Hành tây	904	352,3	278,3	1.104	293,6
Đậu bắp	336	-41,6	-5,0	911	1,1
Sả	220	-39,8	-13,9	584	4,2

Chủng loại	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 01/2021 (%)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
Đỗ đỗ	251	-0,7		504	1291,7
Mộc nhĩ	268	13,8	86,3	503	-10,8
Tỏi	197	-35,3	-81,4	501	-84,4
Măng	61	-86,1	-66,8	500	-26,4
Cải thảo	120	-57,0	-33,5	399	-19,5
Khoai môn	136	-38,6	-17,0	357	-47,3
Đậu nành	164	-7,1	8,8	340	50,7
Khoai tây	99	-46,0	-9,2	284	1,8
Củ dền	127	-2,0	19,6	256	-29,3
Đỗ xanh	53	-68,9	355,9	223	560,4
Hoa	6.037	18,1	25,1	11.149	25,9
Hoa cúc	5.115	22,6	26,5	9.288	29,7
Hoa lan hồ điệp	441	-13,3	39,1	950	44,0
Hoa cẩm chướng	136	21,5	-16,9	248	-23,9
Ly	87	-37,0	-16,3	225	25,5
Hoa cát tường	120	26,1	-0,5	216	-31,3
Hoa hồng	96	80,8	171,4	149	77,0
Lá	313	-56,5	-36,1	1.031	-23,3
Lá sắn	71	-61,6	-10,4	255	-1,9
Lá chuối	46	-60,2	-12,2	161	37,8
Lá diếp	36	-50,0	-60,0	108	20,0

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

Một số doanh nghiệp xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt kim ngạch cao trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	THÁNG 02/2022 (NGHÌN USD)	2 THÁNG NĂM 2022 (NGHÌN USD)
1	CHI NHANH CTY TNHH OLAM VIỆT NAM TẠI KCN BIÊN HOA II	9.524	26.030
2	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI XNK VẠN GIA	5.740	11.935
3	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOANG ĐỨC PHONG	4.533	10.548
4	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU YUELAIMEI	1.385	10.436
5	CTY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM OLAM VIỆT NAM	3.969	9.756
6	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VẠN XUAN	3.425	8.735
7	CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DCT	2.238	8.350
8	CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU SONG ĐẠT	2.431	8.171
9	CTY TNHH EXPORT H&T	3.731	7.448
10	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI TTH	3.207	7.150
11	CTY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU GIANG NAM	5.055	7.043
12	CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE	3.101	6.527
13	CTY TNHH Y.K. VINA	3.469	6.440
14	CTY TNHH DALAT HASFARM	3.761	6.342
15	CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ANT FARM	2.306	6.265
16	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1.926	6.145
17	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NQ	2.516	6.115
18	CTY TNHH KING BANANAS	4.322	5.981
19	CTY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT ALT AUBAGAMAN	982	4.993
20	CTY TNHH TM DV ĐẠI BÌNH AN	2.329	4.936
21	CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI QUỐC GIA	2.374	4.413
22	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY ANH	1.997	4.227
23	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI PLT	2.656	4.060
24	CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VẠN PHÁT ĐẠT	2.111	3.900
25	CTY CP RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG	1.620	3.861

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ mang tính chất tham khảo)

**Cập nhật một số lô hàng rau hoa quả và sản phẩm chế biến xuất khẩu
tuần từ ngày 15- 22/3/2022**

Tên hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD/kg)	Thị trường	Cảng, cửa khẩu	Đk giao
Nhóm quả và quả hạch						
Bưởi tươi loại 1	kg	2.156	1,50	Hà Lan	Cát Lái	C&F
Chôm chôm	kg	316	12,10	Hà Lan	KV HCM	C&F
Chanh dây FT	kg	520	12,50	Thụy Sĩ	KV HCM	C&F
Chanh tươi không hạt loại 1	kg	6.960	2,30	Hà Lan	Cát Lái	C&F
Dừa khô bóc vỏ	kg	419.348	0,39	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Dừa miếng nhỏ đông lạnh	kg	22.000	1,68	Israel	Tiền Sa	FOB
Gấc khô đông lạnh	kg	120	4,80	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Mít nghệ	kg	88	8,50	Băng Đảo	KV HCM	CPT
Nho đen	kg	630	4,44	Đài Loan	Cát Lái	FOB
Quả bưởi tươi	kg	21.750	1,54	Campuchia	Dinh Bà	DAF
Trái chuối già tươi	kg	82.080	0,52	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Quả hồng xiêm	kg	96	11,00	UAE	KV HCM	CIF
Quả sầu riêng tươi	kg	510	7,00	Italia	KV HCM	FCA
Quả thanh long ruột trắng	kg	18.326	0,80	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Quả Thanh Long tươi ruột đỏ giống H14	kg	900	12,70	Mỹ	KV HCM	C&F
Quả Thanh Long tươi ruột trắng	kg	450	12,00	Mỹ	KV HCM	C&F
Trái bơ	kg	590	1,50	Singapore	Cát Lái	C&F
Trái măng cầu xiêm	kg	222	7,90	UAE	KV HCM	C&F
Trái mận An Phước,	kg	150	11,50	UAE	KV HCM	CIF
Trái Sapoché	kg	1.630	0,70	Singapore	Cát Lái	C&F
Nhóm rau củ						
Đậu bắp cắt khúc đông lạnh	kg	19.950	2,86	Pháp	Tân Hiệp Phước	CIF
Bắp cải tươi	kg	24.000	0,45	Đài Loan	Đình Vũ	CFR
Bắp chuối	kg	106	11,50	Na Uy	KV HCM	C&F
Cà pháo xanh trung	kg	120	11,00	Na Uy	KV HCM	C&F
Cà rốt tươi	kg	24.000	0,42	Hàn Quốc	Hải Phòng	C&F
Cải ngọt tươi	kg	42	12,82	Thụy Sĩ	KV HCM	C&F
Cải rổ tươi	kg	148	7,33	Thụy Sĩ	KV HCM	C&F
Cải thảo tươi	kg	11.320	0,60	Đài Loan	Cảng Xanh	C&F
Củ ấu lột vỏ đông lạnh	kg	6.930	1,00	Đài Loan	Cát Lái	C&F
Củ khoai lang tươi	kg	26.152	0,90	Hồng Kông	Cát Lái	C&F
Tỏi củ	kg	23.040	2,00	Đài Loan	Tân Vũ	CFR
Nhóm sản phẩm đã qua chế biến						
Đậu bắp vuông sấy giòn B	kg	9.873	9,00	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Bí đỏ tẩm bột đông lạnh	kg	2.400	4,75	Australia	Cát Lái	FOB
Cơm dừa nạo sấy	kg	8.010	3,60	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Cà tím cắt chiên đông lạnh	kg	10.000	2,90	Nhật Bản	Cát Lái	C&F
Chuối bóc vỏ cắt lát sấy	kg	12.874	3,04	Mỹ	Cái Mép	CIF
Xoài ướp đường sấy khô	kg	17.540	4,21	Trung Quốc	Đình Vũ	C&F
Khoai lang sấy khô (cắt sợi),	kg	1.000	3,80	Đài Loan	Cát Lái	FOB
Nước ép măng cầu	kg	60.000	1,45	Mỹ	Cát Lái	FOB
Thanh long sấy dẻo	kg	2.142	4,50	Nga	Cát Lái	CFR

-----000-----

Bản tin Thông tin thương mại chuyên ngành: **Tổng hợp và Dự báo**

Số giấy phép xuất bản: 45/GP-XBBT do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

In tại: Hà Nội

Kỳ hạn xuất bản: Hàng tuần

Chịu trách nhiệm xuất bản: Lê Mai Thanh